

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CẦN QUAN TÂM VỀ CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN HỮU MINH^(*)

Gia đình có vai trò hết sức quan trọng không chỉ trong sự phát triển của cá nhân mà cả trong việc thực hiện các chức năng xã hội, giữ gìn và chuyển giao các giá trị văn hóa dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Năm 2013 đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý lấy là Năm Gia đình Việt Nam. *Chiến lược Phát triển Gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030* nhấn mạnh đến việc phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, xây dựng gia đình Việt Nam “tiến bộ, hạnh phúc”, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Việc xây dựng gia đình Việt Nam vững mạnh để thích ứng với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước gắn liền với việc củng cố các mối quan hệ gia đình, mà cơ bản nhất là các mối quan hệ vợ-chồng, quan hệ cha mẹ-con cái và quan hệ ông bà-con cái-cháu chắt. Dựa trên những kết quả chủ yếu của Chương trình nghiên cứu khoa học 2011-2012 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, bài viết này nhấn mạnh đến một số đặc điểm của ba loại quan hệ gia đình vừa nêu cần được quan tâm đối với việc xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, hạnh phúc.

1. Mối quan hệ giữa vợ và chồng

Quan hệ vợ chồng được coi là nền tảng và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hạnh phúc, độ bền vững và phát triển của gia đình nói chung. Có một số khía cạnh đáng quan tâm trong mối quan hệ vợ chồng hiện nay.

Trước hết, việc phân công lao động trên cơ sở giới vẫn còn duy trì, mặc dù đã có sự chia sẻ cân bằng hơn giữa hai giới trong công việc sản xuất kinh doanh hoặc một số loại việc khác. Người vợ được coi là phù hợp hơn với các công việc nội trợ, chăm sóc trẻ em, giữ tiền, chăm sóc người già/người ốm, trong khi người chồng thì phù hợp hơn với các công việc sản xuất, kinh doanh, tiếp khách lạ, thay mặt gia đình giao tiếp với chính quyền. Nhìn chung, sự tham gia của nam giới vào công việc nội trợ không tăng đáng kể trong thời gian qua và chưa tương xứng với sự gia tăng của phụ nữ trên thị trường lao động. Chẳng hạn, kết quả “Điều tra Gia đình Việt Nam 2006” cho thấy, trong số những người 18-60 tuổi trả lời về việc làm chính các công việc trong hộ gia đình trong 12

^(*) PGS. TS., Viện trưởng Viện Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

tháng trước cuộc khảo sát, có 82,5% người cho rằng người vợ làm chính công việc nội trợ, chỉ có 3,5% cho là người chồng làm [Xem 2]. Gánh nặng lao động “kép”, với quỹ thời gian hạn hẹp, sức khoẻ kém đi,... đang gây trở ngại cho phụ nữ phát triển năng lực, kể cả về thể chất lẫn đời sống văn hóa tinh thần, do đó cũng làm giảm chất lượng mối quan hệ vợ-chồng.

Truyền thống người chồng đứng tên quyền sở hữu các tài sản lớn của gia đình vẫn còn tồn tại khá phổ biến, đặc biệt ở các vùng nông thôn. Cũng theo số liệu “Điều tra Gia đình Việt Nam 2006”, tỷ lệ người chồng ở thành thị đứng tên các loại tài sản là nhà/đất ở, đất canh tác/đất đồi rừng, ô tô, xe máy dao động từ 61,1% đến 76,9%, và ở nông thôn từ 77,7% đến 88,6%. Việc người chồng đứng tên hầu hết các tài sản lớn của gia đình có tác động tiêu cực đến việc bảo đảm quyền bình đẳng của người vợ đối với người chồng [Xem 2].

Gắn với đặc điểm trên, quan niệm về người chủ gia đình có sự thay đổi chậm, phần lớn người dân vẫn coi nam giới là chủ gia đình. Với những “việc lớn” của gia đình, vai trò ra quyết định của người đàn ông, người chủ gia đình vẫn là một thứ chuẩn mực ít thay đổi. Rõ ràng, sự phân biệt giới còn khá phổ biến, mối quan hệ vợ-chồng trong nhiều trường hợp dường như đang lặp lại hình ảnh “chồng chúa vợ tôi” từ xa xưa và cần phải có những nỗ lực triển khai mạnh mẽ Luật Bình đẳng giới nhằm có được sự bình đẳng thực chất giữa phụ nữ và nam giới.

Một trong những đặc điểm đáng quan tâm là có một bộ phận các cặp vợ chồng đang phải trải qua cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và điều đó có

liên quan đến xung đột và bạo lực trong gia đình. Bạo lực gia đình xảy ra giữa chồng và vợ là một hiện tượng nhức nhối trong những năm gần đây và được xã hội rất quan tâm. Những kết quả điều tra cho thấy rằng loại hình bạo lực này, đặc biệt là bạo lực của chồng đối với vợ còn diễn ra một cách nghiêm trọng [Xem 2]. Số liệu điều tra quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ 2010 (đối với 4.828 phụ nữ tuổi 18-60) cũng xác nhận: có 58,3% phụ nữ tham gia khảo sát đã trải qua ít nhất một hình thức bạo hành về thể chất, tinh thần, hoặc tình dục; 27% đã trải qua ít nhất một hình thức bạo lực trong vòng 12 tháng trở lại [Xem 5]. Tư tưởng gia trưởng, “chồng chúa vợ tôi”, bất bình đẳng giới, những khó khăn về kinh tế và các bất hòa trong ứng xử, v.v... là nguyên nhân trực tiếp của các hành vi bạo lực nói trên. Những hành vi bạo lực này đã gây ra nhiều hậu quả xấu cho phụ nữ và trẻ em.

Gắn với các mâu thuẫn, xung đột và bạo lực gia đình là vấn đề ly hôn. Số liệu thống kê cho thấy số lượng các cuộc ly hôn tăng dần qua các năm và tỷ lệ nữ đứng đơn ly hôn ngày càng nhiều hơn nam giới [Xem 2]. Việc đứng đơn ly hôn của người phụ nữ phần nào cho thấy địa vị của người phụ nữ đã thay đổi, nhận thức về quyền của họ đã được nâng lên, người phụ nữ đang ngày càng tự chủ hơn trong đời sống hôn nhân của mình. Tuy nhiên, đằng sau các lá đơn ly hôn, kể cả khi phụ nữ đứng tên, cũng phản ánh một sự thật là ngày nay, nền kinh tế thị trường với sự lên ngôi của đồng tiền đã len lỏi vào đời sống gia đình, nhiều khi chi phối cả mối quan hệ giữa chồng và vợ và dẫn đến những cuộc ly hôn đáng tiếc.

2. Mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái

Gia đình và mối quan hệ gần gũi với cha mẹ là yếu tố bảo vệ quan trọng đối với thanh, thiếu niên. Trong xã hội, cha mẹ là người chịu trách nhiệm chính chăm sóc trẻ từ tuổi ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành, đặc biệt ở tuổi trước khi đi học, nơi trẻ có thể tiếp thu nhiều tri thức mới mẻ khác.

Liên quan đến quyền được sống và sống khỏe mạnh của trẻ em trong gia đình đã có những chỉ báo cho thấy những khó khăn của trẻ em. “Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ năm 2006” (MICS 2006) cho biết, tỷ lệ người cha tham gia vào ít nhất một hoạt động nhằm khuyến khích việc học và sự sẵn sàng đi học của trẻ em trong 3 ngày trước cuộc khảo sát là 54,4% [Xem 4]. Do gánh nặng kiếm sống, một bộ phận những người làm cha làm mẹ đã không dành thời gian chăm sóc và quan tâm đến con cái, nhất là trong những gia đình nghèo, gia đình nông thôn, gia đình các dân tộc ít người. Theo “Điều tra Gia đình Việt Nam 2006”, chỉ có 1/2 số vị thành niên cho biết được cha mẹ dành thời gian hàng ngày hướng dẫn/nhắc nhở việc học và chưa đầy 1/5 cho biết cha mẹ chỉ liên hệ để tìm hiểu tình hình học tập của con cái ở trường học ở mức độ hàng tháng. Vẫn còn hơn 20% các bậc cha mẹ không biết về thời gian học tập ở nhà và kết quả học tập của con cái ở độ tuổi 15-17. Đáng lưu ý là vẫn còn tỷ lệ không nhỏ người cha và người mẹ hoàn toàn không có thời gian chăm sóc con cái dưới 15 tuổi (6,8% của người mẹ và 21,5% ở người cha) [Xem 2].

Trong đời sống của gia đình hiện nay, mặc dù vai trò và vị thế của con cái đã dần tăng lên, song mối quan hệ cha mẹ-con cái về cơ bản vẫn tuân thủ tôn ti

trật tự truyền thống, cha mẹ vẫn là người quyết định mọi công việc có liên quan đến con cái. Đại bộ phận các bậc cha mẹ cho rằng con cái phải luôn phục tùng sự chỉ bảo của người lớn tuổi trong gia đình [Xem 2]. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu tôn trọng quyền của con cái hoặc có những hành vi đối xử vi phạm quyền tự do thân thể của các em.

Đặc biệt, có một tỷ lệ không nhỏ các bậc cha mẹ giáo dục con cái không đúng cách, làm ngơ cho lỗi lầm của con trẻ, đánh đòn con bất kể lý do gì, hay có thái độ bất lực đối với các hành vi mắc lỗi của con cái. Số liệu “Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam lần thứ 2” (SAVY 2009) cho thấy, có đến 4,1% trẻ vị thành niên tuổi 14-17 cho biết đã bị người trong gia đình đánh thương tích (có thể hiểu chủ yếu là cha mẹ đánh) [Xem 3]. “Điều tra Gia đình Việt Nam 2006” cho biết, khi được hỏi về phản ứng của cha mẹ đối với hành vi lỗi lầm của con cái trong 12 tháng qua, có 12,1% người làm cha mẹ đã sử dụng hình thức quát mắng và 1,4% đã đánh trẻ [Xem 2]. Việc giáo dục trẻ không đúng cách dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Nhiều em đã có các hành vi như gây gỗ đánh nhau, uống rượu, sử dụng chất gây nghiện, v.v... Khi bị đánh đòn hay bị đối xử không công bằng, các em đã buồn bã, lo lắng, thậm chí thờ ơ, không quan tâm nữa đến các hình phạt của cha mẹ. Một khảo sát khác trong cùng năm (MICS 2006) cũng cho thấy, có 9,4% trẻ em tuổi 2-14 đã bị mẹ/người chăm sóc hoặc các thành viên khác trong hộ gia đình xử phạt nặng bằng roi vọt. Đáng chú ý hơn, khoảng một nửa (45,8%) số bà mẹ tin rằng cần phải dùng roi vọt đối với trẻ em [Xem 4]. Tình trạng này là rất nghiêm trọng và đòi hỏi

sự quan tâm nhiều hơn từ phía gia đình và xã hội trong việc bảo vệ sức khỏe thiếu niên.

Sự thiếu hụt nhận thức và kiến thức của các bậc cha mẹ về đặc điểm phát triển nhận thức, sự thay đổi tâm sinh lý của con cái trong giai đoạn vị thành niên và thiếu hụt các phương pháp giáo dục con một cách hiệu quả là một nguyên nhân quan trọng làm tăng nguy cơ xung đột giữa cha mẹ và con cái. Ngoài ra là những hạn chế về hiểu biết và nhận thức của con cái vị thành niên trong ứng xử với cha mẹ theo đúng đạo lý. Những thách thức này đòi hỏi phải thay đổi nhận thức và tăng cường kiến thức của cả cha mẹ và vị thành niên trong sự quan tâm đến trẻ vị thành niên-một giai đoạn hết sức quan trọng trong việc định hình và phát triển nhân cách con cái.

Một vấn đề rất đáng quan tâm hiện nay là mối quan hệ cha mẹ-con cái trong các gia đình khuyết thiếu, gia đình có cha mẹ ly hôn, cha hoặc mẹ mất sớm, cha hoặc mẹ đi làm vắng nhà lâu ngày. Mặc dù chưa có nhiều nghiên cứu đi sâu vào vấn đề này ở Việt Nam nhưng các kết quả khảo sát gợi ra rằng, do thiếu sự quan tâm đầy đủ của cha mẹ về vật chất hoặc tinh thần, quá trình phát triển nhân cách của các em trong những gia đình này gặp những khó khăn nhất định, dẫn đến những hệ quả xã hội tiêu cực về sau. Trong các gia đình này, điều kiện kinh tế thường khó khăn hơn vì một người cha hoặc mẹ phải đảm đương cuộc sống của gia đình; mối quan hệ tình cảm trong gia đình thường bị thiếu hụt do người cha hoặc mẹ phải dành thời gian lo lắng cuộc sống vật chất của gia đình nên không có thời gian dành cho chăm sóc con cái. Các nghiên cứu

chỉ ra rằng thanh niên sống trong gia đình chỉ có bố hoặc mẹ thường có tình trạng trệ trệ về hành vi nhiều hơn và kết quả học tập kém hơn. Đối với trẻ mồ côi^(*), sự thiếu vắng cha mẹ thường đi kèm một số hệ quả như: sự phát triển lòng tin bị ảnh hưởng không tốt; trẻ có thể cảm thấy sợ hãi và cảm giác không an toàn với cuộc sống xung quanh; quá trình nhận thức, nhận biết xã hội thông qua giao tiếp xã hội có thể bị chậm [9].

Trẻ em ở các gia đình có cha mẹ ly hôn bị giảm bớt các mối quan hệ lâu dài với các thành viên gia đình mở rộng, đặc biệt với những người cha hoặc mẹ không sống cùng nhà. Sau ly hôn, với những cặp vợ chồng mà cả hai bên đều có con để nuôi hoặc một bên nuôi con thì tình cảm của con cái đối với bố mẹ càng bị thiệt thòi, nhất là trong trường hợp con cái ở với một bên cha hoặc mẹ có ác cảm, thù ghét bên kia. Điều đó có thể làm cho nhiều em đánh giá thấp tầm quan trọng của cha mẹ chúng và ảnh hưởng đến sự bền chặt của mối quan hệ cha mẹ-con cái [13]. Một số nghiên cứu ở Việt Nam cũng cho thấy nhiều trẻ sống lang thang có lý do từ nguyên nhân gia đình, trong đó chiếm tỷ lệ đáng kể là số trẻ xuất thân từ những gia đình có cha mẹ ly hôn đã lập gia đình mới - do bị mẹ kế hoặc cha dượng hắt hủi [12]. Sự thiếu vắng cha mẹ và sự bất hòa trong gia đình cũng được coi là nguyên nhân làm cho các em không được chăm sóc, từ đó dễ bị kẻ xấu lợi dụng, cưỡng hiếp hoặc rủ rê đi vào con đường mại dâm [8].

(*) Theo một kết quả nghiên cứu, vào thời điểm năm đầu thế kỷ XXI nước ta có khoảng 300.000 trẻ em mồ côi (khoảng 0,4% dân số), trong đó có 140.000 trẻ mồ côi không nơi nương tựa [9].

3. Quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu

Quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu được xem xét trên 3 khía cạnh: quan hệ kinh tế vật chất, đời sống tinh thần và vấn đề bạo lực gia đình đối với người cao tuổi. Các khía cạnh khác nhau của mối quan hệ này càng được đặc biệt quan tâm trong bối cảnh xã hội Việt Nam đã bước vào thời kỳ già hóa dân số sớm hơn dự báo [10].

Hiện nay có khoảng trên 30% số gia đình Việt Nam có người cao tuổi (tỷ lệ này ở nhóm nghèo là 40%, nhóm giàu là 26,2%). Trong đó, 70% số người cao tuổi đang tự làm việc nuôi sống mình hoặc nhờ vào phần trợ cấp và nuôi dưỡng của con cháu, 30% đang sống trong điều kiện nghèo, 95% đang mắc ít nhất 1 loại bệnh [2]. Những khó khăn này đang góp phần đẩy người cao tuổi vào tình trạng phụ thuộc vào gia đình và con cháu mà không có một sự lựa chọn nào khác khi các dịch vụ xã hội chăm sóc người cao tuổi còn non yếu như hiện nay.

Việc dựa vào gia đình phụng dưỡng, chăm sóc người cao tuổi giúp giảm áp lực cho Nhà nước về chi phí trong điều kiện nền kinh tế và ngân sách quốc gia còn gặp khó khăn. Tuy nhiên, người cao tuổi sống dựa vào con cháu đang gặp không ít khó khăn vì bản thân cuộc sống của con cháu cũng còn nhiều vất vả. Như đã nêu ở trên, có khoảng 1/3 số hộ có người cao tuổi là hộ nghèo, vì vậy việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ già là thực sự khó khăn trong điều kiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước còn ít. Đối với nhiều hộ gia đình, chi phí chữa bệnh cho người cao tuổi là một gánh nặng kinh tế, vì việc chi trả cho các dịch vụ y tế (khám chữa bệnh, thuốc men, chăm sóc...) thường cao hơn rất nhiều so với thu nhập của họ. Ngoài ra, còn những khó khăn khác như: con cái bị tàn tật, đau yếu, công việc của

con cái không ổn định, nhà neo người,... Trong điều kiện đó, sự trợ giúp của Nhà nước thông qua những hình thức khác nhau (bảo hiểm, trợ cấp tuổi già, v.v...) nhằm giảm bớt sự phụ thuộc về mặt vật chất của người cao tuổi đối với con cháu có ý nghĩa rất quan trọng.

Cũng cần nhấn mạnh là, trong bối cảnh của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhất là dưới sự tác động của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, hệ giá trị gia đình ở Việt Nam đang có sự biến đổi rất lớn. Bên cạnh những giá trị cổ truyền như “kính trên, nhường dưới”, “trọng xỉ” (tôn trọng người cao tuổi), thì những giá trị mới như coi trọng “quyền tự do cá nhân”, “bình đẳng giới”, “quyền trẻ em” cũng ngày càng được khẳng định. Sự biến đổi này, trong một chừng mực nhất định, đã làm cho mối quan hệ ông bà-cha mẹ-con cháu không thuận chiều như trước đây và làm tăng những mâu thuẫn và xung đột thế hệ. “Điều tra Gia đình Việt Nam 2006” cho biết, có khoảng 1/10 số ý kiến từ các hộ gia đình có 3 thế hệ chung sống thừa nhận có sự không thống nhất trong các vấn đề về lễ lối sinh hoạt, cách quản lý tiền và tiêu tiền, cách thức làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, cũng như về phương pháp giáo dục con cháu. Sự bất đồng về lối sống có thể là môi trường nảy sinh những mâu thuẫn gia đình và làm cho mối quan hệ ông bà-con cháu bị kém đi. Đối với người cao tuổi, những khi vui buồn có sự chia sẻ, tâm sự đối với người khác có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, tỷ lệ người cao tuổi tâm sự với con chỉ chiếm khoảng 25% số người được hỏi [Xem 2]. Lý do chính là con cháu thiếu thời gian, không sẵn sàng lắng nghe và giữa hai bên thiếu sự quan tâm chung. Điều đó làm cho nhiều người cao tuổi buồn phiền.

Điều đặc biệt đáng quan tâm là một bộ phận người cao tuổi đang phải trải qua các hành vi bạo lực về thể chất, tinh thần và kinh tế do con cháu gây ra. Hiện tượng này xảy ra không chỉ đối với các gia đình nghèo hay con cái có học vấn thấp mà đối với cả những gia đình con cái có mức sống cao và trình độ học vấn cao. Những nguyên nhân chủ yếu góp phần dung dưỡng các hành vi bạo lực đối với người cao tuổi là sự tôn thờ giá trị đồng tiền ở một số người, sự khác biệt về lối sống và sự thiếu quan tâm của các cấp chính quyền đoàn thể đối với mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình. Hiện tượng bạo lực đối với người cao tuổi gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với người cao tuổi và gia đình, xã hội [Xem 6].

Hiện tại và trong tương lai, gia đình vẫn được xem là môi trường quan trọng nhất chăm sóc người cao tuổi. Tuy nhiên, hệ thống trợ giúp của gia đình cho người cao tuổi trong tương lai gần sẽ gặp trở ngại do những biến động của quy mô dân số và xu thế hạt nhân hóa gia đình. Việc giảm số con trong gia đình sẽ làm giảm nguồn hỗ trợ cho cha mẹ khi tuổi già. Sự thay đổi những giá trị gia đình, tình trạng ly hôn, ly thân, sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động xã hội, nhiều thanh niên di cư ra thành phố, khu công nghiệp tìm kiếm việc làm và cuộc sống tự do khiến cho người cao tuổi càng cô đơn và thiếu nơi nương tựa. Nhiều người cao tuổi sẽ phải sống một mình và tự chăm sóc cho bản thân, phải đối mặt với rất nhiều khó khăn về tài chính và bệnh tật.

4. Một số điều cần quan tâm

Một số phân tích ở trên đã cho thấy những khía cạnh đáng quan tâm xét từ

góc độ các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam. Để đạt được mục tiêu xây dựng gia đình “tiến bộ và hạnh phúc” đòi hỏi phải có nhiều nỗ lực hơn từ phía Nhà nước, cộng đồng, gia đình và từng cá nhân. Về mối quan hệ giữa vợ và chồng, mặc dù Luật Bình đẳng giới đã có hiệu lực kể từ năm 2007, nhưng cho đến nay giữa văn bản pháp quy và đời sống hiện thực vẫn còn một khoảng cách khá xa. Trong đời sống gia đình, vị thế và vai trò của người vợ vẫn thấp hơn. Để có sự bình đẳng giữa vợ và chồng trong gia đình thì ngoài vai trò của truyền thống, của chính quyền và đoàn thể, còn đòi hỏi chính những người trong cuộc - cụ thể là người chồng và người vợ - cũng phải không ngừng phấn đấu nhằm xóa bỏ quan niệm “trọng nam, khinh nữ” xưa cũ để xây dựng mối quan hệ vợ-chồng phù hợp với tinh thần của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay của đất nước. Thực hiện giáo dục trước hôn nhân, phát triển các dịch vụ tư vấn về hôn nhân và đời sống gia đình cũng như hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình là những biện pháp quan trọng duy trì sự hòa thuận và phát triển quan hệ bền vững giữa vợ và chồng.

Cũng như Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, Chống bạo lực gia đình, mặc dù đã được ban hành và có hiệu lực từ năm 2008, nhưng đến nay vẫn chưa thực sự là sự đảm bảo pháp lý có ảnh hưởng sâu rộng đối với mọi tầng lớp nhân dân. Để cho Luật Phòng, Chống bạo lực gia đình có thể nhanh chóng đi vào đời sống hiện thực, một mặt cần tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng phó cho người dân và đội ngũ cán bộ phòng chống bạo lực gia đình các cấp, không ngừng tăng cường hiệu lực của pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực

gia đình, song mặt khác cũng không thể xem nhẹ vai trò của cộng đồng nơi người dân sinh sống. Cụ thể là, nội dung của Luật Phòng, Chống bạo lực gia đình cũng cần đưa vào các Hương ước, Tộc ước (ở đô thị là quy định của khu phố, tổ dân cư).

Về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng khá bất ổn ở không ít gia đình, đó là việc thiếu vắng sự chăm sóc, giáo dục của các bậc cha mẹ đối với con cái, dù họ vẫn sống cùng nhà với các con - kể cả ở những gia đình “ăn nên làm ra”, cũng như ở các gia đình neo đơn, đang gặp khó khăn về kinh tế. Ở loại gia đình thứ nhất, do bố mẹ suốt ngày bận bịu với công việc và do chỉ lo làm giàu, nên họ không có thời gian để mắt đến con cái. Ở loại gia đình thứ hai, do bố mẹ còn phải bươn chải kiếm thêm thu nhập nhằm trang trải các khoản chi tiêu thiếu hụt của gia đình, nên con cái của họ cũng rơi vào tình cảnh không có người chăm sóc. Thực trạng trên dẫn đến một hậu quả không tránh khỏi, đó là việc trẻ em bỏ học, học kém, đi lang thang bụi đời, để cuối cùng rơi vào vòng xoáy của các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, cướp giật, mại dâm và vô số các hiểm họa khác. Để khắc phục tình trạng này, sự hỗ trợ của cộng đồng và xã hội là vô cùng cần thiết, song trách nhiệm thường xuyên và không thể thiếu là thuộc về gia đình, dòng họ và chính những bậc cha mẹ có con đang ở tuổi vị thành niên. Cần hỗ trợ để các bậc cha mẹ có nhiều thời gian hơn dành cho con cái, tăng cường sự hiểu biết của cha mẹ về đặc điểm tâm sinh lý của con cái và nâng cao kỹ năng của họ trong việc chăm sóc, giáo dục con cái, có thái độ tôn trọng và đối xử đúng mực với con cái.

So với nhiều nước khác trên thế giới thì người già ở Việt Nam đang ở trong

tình cảnh khá đặc thù. Do phải trải qua một thời gian chiến tranh khá dài, nên phần đông các cụ không có sổ hưu, không có sổ tiết kiệm cũng như các nguồn tích lũy khác. Có thể nói nhóm người cao tuổi này đang gặp vô vàn khó khăn, không chỉ khó có khả năng chi trả cho các dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe, mà còn khó có thể tự nuôi sống bản thân. Điều này đòi hỏi chính sách an sinh xã hội của Nhà nước cần lưu tâm tới họ, đồng thời cộng đồng, nhất là con cháu và họ hàng cũng cần phát huy thuần phong mỹ tục của dân tộc, cụ thể là cần phải tăng cường giúp đỡ người cao tuổi.

Một vấn đề nữa là cần mở rộng, đa dạng hóa các hình thức dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Trước đây người cao tuổi thường sống chung với con cháu trong gia đình mở rộng và điều này đã trở thành thứ bản sắc riêng ở các gia đình Việt Nam. Tính ưu việt của mô hình truyền thống này ở chỗ, sống trong gia đình mở rộng, một mặt người cao tuổi rất dễ dàng nhận được sự chăm sóc của con cháu, và mặt khác họ cũng có thể giúp đỡ trở lại đối với con cháu bằng các việc làm cụ thể như nội trợ, trông coi cháu nhỏ, dạy dỗ và truyền đạt kinh nghiệm cho các thế hệ tương lai. Tuy nhiên, do quá trình hạt nhân hóa gia đình đang ngày một tăng lên, cũng như sự lựa chọn mô hình sống của người cao tuổi đa dạng hơn, nên mô hình cổ truyền sống chung cùng con cháu đang giảm dần. Đây là một thực tế khách quan cần được chấp nhận. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của các cụ, bên cạnh các hình thức đã quen thuộc như chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà, dịch vụ chăm sóc theo yêu cầu và dịch vụ nuôi dưỡng tập trung, hiện nay ở nhiều địa phương đã xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ

mối như dịch vụ nuôi dưỡng người cao tuổi dưới hình thức đầu tư tư nhân, cổ phần,... Cần thiết phải tổng kết, rút kinh nghiệm và mở rộng các hình thức này, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người cao tuổi trong bối cảnh xã hội đang chuyển đổi hiện nay □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: một số kết quả chủ yếu*, Hà Nội.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, UNICEF (2008), *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*, Hà Nội, 2008.
3. Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Phát triển châu Á (2010), *Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam lần thứ 2 (SAVY 2009)*, Hà Nội.
4. Tổng cục Thống kê và UNICEF (2007), *Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2006* (Multiple Indicator Cluster Survey 2006 - MICS), Nxb. Thống kê, Hà Nội.
5. Tổng Cục Thống kê, Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2010), *Chịu nhận là chết đói: Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam*, Hà Nội.
6. Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới và Vụ Gia đình (2012), *Báo cáo điều tra thực trạng bạo lực gia đình, đề xuất giải pháp có tính đột phá nhằm giảm thiểu bạo lực gia đình trong năm 2012 và giai đoạn 2012-2016*, Hà Nội.
7. Nguyễn Đình Cử (2009), *Xu hướng già hóa trên thế giới và những đặc trưng của người cao tuổi ở Việt Nam*, In trong Kỷ yếu Hội thảo “Thách thức về già hóa dân số ở Việt Nam” do Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Bộ Y tế tổ chức tại Hà Nội.
8. Đỗ Năng Khánh (2002), *Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em*, Trong: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (2002), *Vấn đề phụ nữ và trẻ em thời kỳ 2001-2010*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, trang 177-200.
9. Nguyễn Kim Liên (2002), *Trẻ em mồ côi và chính sách chăm sóc trẻ mồ côi không nơi nương tựa giai đoạn 2001-2010*, Trong: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc (2002), *Vấn đề phụ nữ và trẻ em thời kỳ 2001-2010*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, trang 210-225.
10. Giang Thanh Long, Wade donald Pfau (2007), *Tổng quan dân số cao tuổi ở Việt Nam giai đoạn chuyển đổi kinh tế*, Trong: Giang Thanh Long, Dương Kim Hồng chủ biên (2007), *Các vấn đề xã hội trong quá trình chuyển đổi và hội nhập kinh tế ở Việt Nam*, Tập 1, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Hồng (2011), “Thái độ của thanh thiếu niên Việt Nam về hôn nhân và gia đình”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4, trang 3-14.
12. Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự (2002), *Ly hôn, nghiên cứu trường hợp Hà Nội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Lê Thi (1996), *Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.